TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/10/2018
V/v: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:* Ông Nguyễn Anh Dũng

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Trần Thị Ngọ và bà Nguyễn Thị Tơ

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hồ Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân – Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 135/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh L.

Bị đơn: Chị Lê Thị K, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Phước – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hàm Tân. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Minh T trình bày:

Anh và chị Lê Thị K tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 20/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H. Trong quá trình sống chung thì anh, chị có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân là do chị K thường xuyên chửi bới và đuổi anh ra khỏi nhà, anh và chị K đã sống ly thân từ năm 2010, đến năm 2015 anh, chị về sống chung

lại với nhau nhưng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và chị K đã đuổi anh đi nên anh đã về tỉnh L sinh sống. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị K.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung là Trần Lê Kh, sinh ngày 14/4/2008 và Lê Thị Lê V, sinh ngày 22/7/2009, khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Lê Kh và giao cháu Lê Thị Lê V cho chị K nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là Lê Thị Lê V mỗi tháng 1.000.000đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh có nợ của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền là 30.000.000đồng. Hiện nay anh đã trả hết số tiền trên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị K trình bày:

Anh đồng ý với anh T về thời gian kết hôn và sống chung, trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên chị cũng đã có lần đuổi anh T ra khỏi nhà và anh T cũng đã có lần đập phá đồ đạc trong gia đình nên cuối năm 2009 anh T đã về tỉnh L sinh sống, đến năm 2015 thì về lại và sống chung với chị nhưng sau đó anh T lại bỏ nhà về lại tỉnh L. Nay anh T xin ly hôn thì chị không đồng ý, chị chỉ đồng ý ly hôn khi anh T trả hết nợ ngân hàng.

Trong thời gian sống chung vợ chồng thì có hai con chung như anh T đã trình bày, khi ly hôn thì chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Lê Thị Lê V và yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Lê V mỗi tháng 1.000.000đồng. Vì từ trước đến giờ anh T không nuôi cháu và chị đang làm nông thu nhập thấp nên không đủ tiền cho con. Đối với cháu Trần Lê Kh thì từ trước đến nay anh T nuôi nên chị đồng ý cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Năm 2017 có vay của Ngân hàng chính sách số tiền là 30.000.000đồng để mua bò và chi tiêu, nay anh T muốn ly hôn thì đề nghị anh T phải trả số nợ trên.

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính Sách xã hội Việt Nam trình bày: Năm 2017 Chị K và anh T có vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Hàm Tân số tiền là 30.000.000đồng. Nay chị K và anh T ly hôn thì yêu cầu phải thanh toán hết số nợ trên vì sau khi ly hôn thì vợ chồng không có tài sản và anh T không phải là người địa phương nên rất khó thu hồi nợ. Ngày 17/8/2018 anh T đã trả hết số nợ trên nên Ngân hàng CSXH Việt Nam không còn quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã tuân theo đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, thấy rằng anh Trần Minh T và chị Lê Thị K tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S năm 2008. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã nhau, nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên anh T yêu cầu xin ly hôn là

có cơ sở đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận.

Về con chung, hiện nay chị K đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Thị Lê V, sinh ngày 22/7/2009, anh T đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Lê Kh, sinh ngày 14/4/2008. Trong quá trình giải quyết vụ án thì các đương sự đã thống nhất được với nhau về việc nuôi con và cấp dưỡng nên đề nghị HĐXX nghi nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết thì anh T và chị K đang nợ ngân hàng CSXH số tiền là 30.000.000đ nhưng ngày 17/8/2018 anh T đã trả hết số nợ trên và đại diện Ngân hàng CSXH không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: HĐXX thấy rằng đây là tranh chấp "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Theo lời trình bày của nguyên đơn cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án anh Trần Minh T và chị Lê Thị K tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện H năm 2008 đúng quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình sống chung với nhau anh T và chị K xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau và chị K đã nhiều lần đuổi anh T ra khỏi nhà nên anh T đã về tỉnh L sinh sống từ cuối năm 2009, đến năm 2015 anh T đã về xã S để sống chung lại với chị K nhưng quá trình sồng chung anh T và chị K tiếp tục nảy sinh nhiều mâu thuẫn nên đến năm 2017 anh T về lại tỉnh L sinh sống cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù chị K cho rằng những mâu thuẫn trên là nhỏ nhưng chị thừa nhận là có mâu thuẫn gia đình, anh T đã đập phá đồ đạc trong nhà và chị cũng nhiều lần đuổi anh T ra khỏi nhà và chị đồng ý ly hôn khi anh T trả hết nợ cho Nhân hàng. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa anh T và chị K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân là có căn cứ và yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận

[2]. *Về con chung:* Trong quá trình sống chung anh T và chị K có hai người con chung là Trần Lê Kh, sinh ngày 14/4/2008 và Lê Thị Lê V, sinh ngày 22/7/2009, khi ly hôn

thì anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Lê Kh và không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng tiền nuôi con; Chị K có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thị Lê V và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu trưởng thành. HĐXX thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thống nhất được với nhau về nuôi con chung sau ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, việc các bên thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, hơn nữa cũng phù hợp với nguyện vọng của các con nên cần được chấp nhận.

[3]. *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về nợ chung*: Trong thời gian anh T và chị K sống chung với nhau thì có vay của Ngân hàng CSXH Việt Nam số tiền là 30.000.000đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án thì đại diện của Ngân hàng CSXH yêu cầu anh T và chị K phải trả hết nợ trước khi ly hôn, chị K yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ trên. Ngày 17/8/2018 anh T đã thanh toán cho Ngân hàng CSXH Việt Nam số tiền là 30.000.000đồng. HĐXX thấy rằng anh T đã tự nguyện thanh toán hết toàn bộ số nợ chung cho Ngân hàng CSXH và đại diện của Ngân hàng CSXH không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 BLTTDS; Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

-Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Minh T.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Minh T và chị Lê Thị K.

Về con chung: Giao cháu Trần Lê Kh, sinh ngày 14/4/2008 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Giao cháu Lê Thị Lê V, sinh ngày 22/7/2009 cho chị K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Thị Lê V mỗi tháng là 1.000.000đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh T, chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của các con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Anh Trần Minh T phải chịu 300.000đồng án phí HNGĐ sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000đ theo biên lai thu tiền số 0016790 ngày 26/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Anh T còn phải nộp số tiền là 300.000đồng.

3. Án xử công khai, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Tân;
-THA dân sự huyện Hàm Tân;
-UBND xã S;
-Các đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Anh Dũng